

**DANH SÁCH KHEN THƯỞNG DANH HIỆU  
HỌC SINH TIÊN TIẾN TOÀN TRƯỜNG  
NĂM HỌC 2020-2021**

| STT | Họ tên                | Lớp | Điểm TB | Học lực | Hạnh<br>kiểm | Danh hiệu | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----|---------|---------|--------------|-----------|---------|
| 1   | Võ Hồng Ngọc          | 6A1 | 8.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 2   | Phạm Ngọc Châu        | 6A1 | 8.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 3   | Nguyễn Lê Khả Hân     | 6A1 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 4   | Phạm Quỳnh Anh        | 6A1 | 8.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 5   | Nguyễn Tuấn Anh       | 6A1 | 8.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 6   | Phạm Nguyễn Uyên Nhi  | 6A1 | 8.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 7   | Nguyễn Hoa Mai        | 6A1 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 8   | Trần Trâm Anh         | 6A1 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 9   | Trương Tấn Sang       | 6A1 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 10  | Tô Phương Nam         | 6A1 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 11  | Nguyễn Trọng Nhân     | 6A1 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 12  | Lê Ngọc Gia Hân       | 6A1 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 13  | Đoàn Nguyễn Ánh Dương | 6A1 | 7.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 14  | Hoàng Quốc Bình       | 6A1 | 7.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 15  | Trần Đào Quang Minh   | 6A1 | 7.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 16  | Lê Thiên Bảo          | 6A1 | 7.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 17  | Nguyễn Văn Đông       | 6A1 | 7.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 18  | Huỳnh Tiến Đạt        | 6A1 | 6.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 19  | Thân Mỹ Linh          | 6A2 | 8.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 20  | Hồ Văn Minh           | 6A2 | 8.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 21  | Vũ Thế Sơn            | 6A2 | 8.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 22  | Trịnh Văn Kiệt        | 6A2 | 8.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 23  | Nguyễn Thị Thanh Hoa  | 6A2 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 24  | Doãn Phạm Văn Khánh   | 6A2 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 25  | Phạm Trung Hiếu       | 6A2 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 26  | Nguyễn Lê Minh Huy    | 6A2 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 27  | Barroga Nguyễn Khang  | 6A2 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 28  | Ngô Thị Mỹ Linh       | 6A2 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 29  | Trần Phan Gia Hân     | 6A2 | 7.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 30  | Phạm Dona             | 6A2 | 7.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 31  | Phạm Ngọc Hoa         | 6A3 | 8.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 32  | Nguyễn Lê Linh Đan    | 6A3 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |

**DANH SÁCH KHEN THƯỞNG DANH HIỆU  
HỌC SINH TIÊN TIẾN TOÀN TRƯỜNG  
NĂM HỌC 2020-2021**

| STT | Họ tên                 | Lớp | Điểm TB | Học lực | Hạnh<br>kiểm | Danh hiệu | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----|---------|---------|--------------|-----------|---------|
| 33  | Lê Anh Khoa            | 6A3 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 34  | Lê Ngọc Ly             | 6A3 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 35  | Huỳnh Thị Hoài Thương  | 6A3 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 36  | Lê Trần Thanh Lam      | 6A3 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 37  | Ôn Nghiệp Lâm          | 6A3 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 38  | Đỗ Hải Đăng            | 6A3 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 39  | Võ Ngọc Thanh Tiên     | 6A3 | 7.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 40  | Nguyễn Thị Ngọc Oanh   | 6A3 | 7.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 41  | Đặng Thái Mai Khôi     | 6A3 | 7.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 42  | Lê Anh Khôi            | 6A3 | 7.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 43  | Huỳnh Văn Long         | 6A3 | 7.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 44  | Đinh Gia Hân           | 6A3 | 7.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 45  | Mai Tường Minh         | 6A3 | 7.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 46  | Hồ Đại Nam             | 6A3 | 7.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 47  | Nguyễn Nam Kim Khánh   | 6A4 | 8.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 48  | Trần Anh Huy           | 6A4 | 8.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 49  | Phạm Yến Nhi           | 6A4 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 50  | Lương Hoàng Tấn        | 6A4 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 51  | Nguyễn Phong Phú       | 6A4 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 52  | Đỗ Nguyễn Hương Mai    | 6A4 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 53  | Phạm Thị Thanh         | 6A4 | 7.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 54  | Vũ Đài Trang           | 6A4 | 7.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 55  | Thới Huỳnh Minh Trường | 6A4 | 7.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 56  | Dương Ngô Anh Thi      | 6A4 | 7.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 57  | Trần Nguyễn Quốc An    | 6A4 | 6.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 58  | Nguyễn Quang Dũng      | 6A4 | 6.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 59  | Nguyễn Gia Phúc        | 6A5 | 8.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 60  | Nguyễn Thị Huyền Trang | 6A5 | 8.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 61  | Huỳnh Minh Thịnh       | 6A5 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 62  | Võ Ngọc Hoàng Trung    | 6A5 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 63  | Nguyễn Hương Cẩm Tú    | 6A5 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 64  | Nguyễn Văn Khoa        | 6A5 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |

**DANH SÁCH KHEN THƯỞNG DANH HIỆU  
HỌC SINH TIÊN TIẾN TOÀN TRƯỜNG  
NĂM HỌC 2020-2021**

| STT | Họ tên                  | Lớp | Điểm TB | Học lực | Hạnh<br>kiểm | Danh hiệu | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----|---------|---------|--------------|-----------|---------|
| 65  | Nguyễn Ngọc Phượng      | 6A5 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 66  | Lê Nguyễn Bảo Trân      | 6A5 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 67  | Bùi Lê Nhựt Thiện       | 6A5 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 68  | Trần Đoàn Thanh Vy      | 6A5 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 69  | Nguyễn Hoàng Anh Thư    | 6A5 | 7.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 70  | Bùi Minh Nguyễn         | 6A5 | 7.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 71  | Nguyễn Lương Thành Long | 6A5 | 7.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 72  | Phan Quỳnh Trâm         | 6A5 | 7.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 73  | Võ Hoàng Vinh           | 6A5 | 7.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 74  | Phan Lê Khánh Vy        | 6A5 | 7.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 75  | Lê Bảo Ngọc             | 6A5 | 7.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 76  | Nguyễn Minh Hoàng       | 6A5 | 7.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 77  | Mai Nguyễn Yên Như      | 6A5 | 7.2     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 78  | Đinh Ngọc Sương Nhi     | 6A5 | 7.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 79  | Chế Võ Trâm Anh         | 6A5 | 7.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 80  | Đỗ Anh Tuấn             | 6A5 | 7.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 81  | Nguyễn Cao Trí          | 6A5 | 7.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 82  | Đỗ Võ Gia Hân           | 6A5 | 6.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 83  | Nguyễn Lê Hoàng Long    | 6A6 | 8.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 84  | Thái Nguyễn Minh Thương | 6A6 | 8.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 85  | Nguyễn Tiến Thanh       | 6A6 | 8.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 86  | Hồ Thị Như Ý            | 6A6 | 8.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 87  | Nguyễn Ngọc Bảo Trân    | 6A6 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 88  | Vũ Ngọc Bảo My          | 6A6 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 89  | Nguyễn An               | 6A6 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 90  | Lê Hoàng Cát Tiên       | 6A6 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 91  | Nguyễn Ngọc Quang Thoại | 6A6 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 92  | Nguyễn Ngọc Như Quỳnh   | 6A6 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 93  | Bùi Ngọc Khánh Thư      | 6A6 | 7.7     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 94  | Đặng Hà Phương Uyên     | 6A6 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 95  | Nguyễn Cao Phương Vy    | 6A6 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 96  | Trần Phương Trang       | 6A6 | 7.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |

**DANH SÁCH KHEN THƯỞNG DANH HIỆU  
HỌC SINH TIÊN TIẾN TOÀN TRƯỜNG  
NĂM HỌC 2020-2021**

| STT | Họ tên                  | Lớp | Điểm TB | Học lực | Hạnh<br>kiểm | Danh hiệu | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----|---------|---------|--------------|-----------|---------|
| 97  | Đặng Ngọc Gia Hân       | 6A6 | 7.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 98  | Đoàn Duy Thiên          | 6A6 | 7.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 99  | Đoàn Thu Vân            | 6A6 | 7.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 100 | Đỗ Lê Ngọc Hân          | 6A6 | 7.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 101 | Hồ Thị Thảo Linh        | 6A6 | 7.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 102 | Lâm Tường Lam           | 6A7 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 103 | Trịnh Xuân Phong        | 6A7 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 104 | Nguyễn Ngọc Ngân Phương | 6A7 | 8.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 105 | Lê Ngọc Quỳnh Anh       | 6A7 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 106 | Quách Đức Trí           | 6A7 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 107 | Vũ Ngọc Khánh Mai       | 6A7 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 108 | Võ Đăng Khoa            | 6A7 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 109 | Lê Nguyễn Đăng Khôi     | 6A7 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 110 | Lê Đăng Anh Đức         | 6A7 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 111 | Vũ Đình Hạnh            | 6A7 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 112 | Vũ Ngọc Trâm            | 6A7 | 7.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 113 | Chiêm Thuận Quý         | 6A7 | 7.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 114 | Nguyễn Minh Nhựt        | 6A7 | 7.5     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 115 | Nguyễn Hữu Thiên Ân     | 6A7 | 7.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 116 | Phạm Đoàn Phương Thảo   | 6A7 | 6.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 117 | Nguyễn Lê Thùy Tiên     | 6A7 | 6.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 118 | Kiều Gia Như            | 6A8 | 8.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 119 | Tổng Minh Thư           | 6A8 | 8.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 120 | Nguyễn Tường Duy        | 6A8 | 8.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 121 | Trần Thị Thảo Nguyên    | 6A8 | 8.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 122 | Nguyễn Minh Trí         | 6A8 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 123 | Nguyễn Huỳnh Kiên Cường | 6A8 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 124 | Trà Xuân Hiếu           | 6A8 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 125 | Nguyễn Tấn Đạt          | 6A8 | 7.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 126 | Văn Thị Phương Thanh    | 6A8 | 7.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 127 | Nguyễn Hữu Khoa         | 6A8 | 7.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 128 | Nguyễn Thành Danh       | 6A8 | 7.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |

**DANH SÁCH KHEN THƯỞNG DANH HIỆU  
HỌC SINH TIÊN TIẾN TOÀN TRƯỜNG  
NĂM HỌC 2020-2021**

| STT | Họ tên                  | Lớp | Điểm TB | Học lực | Hạnh<br>kiểm | Danh hiệu | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----|---------|---------|--------------|-----------|---------|
| 129 | Phạm Quốc Công          | 6A8 | 6.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 130 | Nguyễn Ngô Quỳnh Như    | 7A1 | 8.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 131 | Nguyễn Nhật Phương Nghi | 7A1 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 132 | Huỳnh Ngọc Như Quỳnh    | 7A1 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 133 | Nguyễn Thị Thu Thanh    | 7A1 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 134 | Phạm Đoàn Đăng Khoa     | 7A1 | 8.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 135 | Phan Nguyễn Quỳnh Dao   | 7A1 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 136 | Đinh Bảo Thi            | 7A1 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 137 | Hồ Huỳnh Minh Triết     | 7A1 | 7.9     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 138 | Trương Thị Mỹ Ngọc      | 7A1 | 7.8     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 139 | Phan Mộng Thiên Hương   | 7A1 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 140 | Ngô Thúy Nga            | 7A1 | 7.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 141 | Bùi Khôi Nguyên         | 7A2 | 8.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 142 | Nguyễn Đăng Kim Anh     | 7A2 | 8.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 143 | Lê Nguyễn Vũ Như Quỳnh  | 7A2 | 8.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 144 | Nguyễn Cao Ngọc Linh    | 7A2 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 145 | Võ Thị Bích Phương      | 7A2 | 8.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 146 | Nguyễn Trung Tín        | 7A2 | 8.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 147 | Nguyễn Bích Châu        | 7A2 | 8.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 148 | Triệu Thị Mỹ Hằng       | 7A2 | 8.1     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 149 | Nguyễn Trọng Nhật Minh  | 7A2 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 150 | Huỳnh Thanh Trúc        | 7A2 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 151 | Lê Thị Huỳnh Trâm       | 7A2 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 152 | Võ Trần Gia Bảo         | 7A2 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 153 | Nguyễn Thành Đại        | 7A2 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 154 | Trần Văn Khoa           | 7A2 | 7.7     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 155 | Lê Ngọc Như Ý           | 7A2 | 7.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 156 | Phạm Gia Bảo            | 7A2 | 7.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 157 | Nguyễn Khánh Ngọc       | 7A3 | 8.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 158 | Nguyễn Vũ Thiên Bảo     | 7A3 | 8.6     | Giỏi    | Khá          | HSTT      |         |
| 159 | Phạm Đức Tài            | 7A3 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 160 | Trương Lê Kiều Như      | 7A3 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |

**DANH SÁCH KHEN THƯỞNG DANH HIỆU  
HỌC SINH TIÊN TIẾN TOÀN TRƯỜNG  
NĂM HỌC 2020-2021**

| STT | Họ tên                   | Lớp | Điểm TB | Học lực | Hạnh<br>kiểm | Danh hiệu | Ghi chú |
|-----|--------------------------|-----|---------|---------|--------------|-----------|---------|
| 161 | Nguyễn Hoàng Lê Anh Tuấn | 7A3 | 8.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 162 | Trần Thụy Vĩnh Nghi      | 7A3 | 8.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 163 | Lê Ngọc Tiểu My          | 7A3 | 8.0     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 164 | Phạm Hòa Duy Khánh       | 7A3 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 165 | Đoàn Trần Quỳnh Anh      | 7A3 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 166 | Trần Thanh Hào           | 7A3 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 167 | Nguyễn Minh Thanh Trúc   | 7A3 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 168 | Trương Nhật Quang        | 7A3 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 169 | Vũ Hương Giang           | 7A3 | 7.0     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 170 | Nguyễn Ngọc Bảo Ngân     | 7A4 | 8.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 171 | Nguyễn Thanh Quang       | 7A4 | 8.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 172 | Võ Hoài Bảo Lam          | 7A4 | 8.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 173 | Nguyễn Minh Hải          | 7A4 | 8.3     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 174 | Trần Minh Thư            | 7A4 | 8.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 175 | Nguyễn Thị Thanh Trúc    | 7A4 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 176 | Lê Thị Kim Khánh         | 7A4 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 177 | Diệp Viễn Du             | 7A4 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 178 | Lê Minh Quân             | 7A4 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 179 | Phạm Tấn Quốc Tài        | 7A4 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 180 | Hứa Văn Tuyết Nhi        | 7A4 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 181 | Nguyễn Văn Hùng Việt     | 7A4 | 7.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 182 | Trương Phạm Anh Thơ      | 7A4 | 6.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 183 | Hàn Thiên Hỷ             | 7A4 | 6.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 184 | Nguyễn Hà Thanh Tâm      | 7A5 | 8.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 185 | Nguyễn Trương Xuân Mai   | 7A5 | 8.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 186 | Võ Thành Nguyên          | 7A5 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 187 | Bành Bảo Ngọc            | 7A5 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 188 | Trần Trọng Nam           | 7A5 | 8.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 189 | Nguyễn Minh Anh          | 7A5 | 8.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 190 | Nguyễn An Nam            | 7A5 | 8.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 191 | Nguyễn Hồ Minh Vương     | 7A5 | 8.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 192 | Nguyễn Hoàng Phương Thảo | 7A5 | 8.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |

**DANH SÁCH KHEN THƯỞNG DANH HIỆU  
HỌC SINH TIÊN TIẾN TOÀN TRƯỜNG  
NĂM HỌC 2020-2021**

| STT | Họ tên                  | Lớp | Điểm TB | Học lực | Hạnh<br>kiểm | Danh hiệu | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----|---------|---------|--------------|-----------|---------|
| 193 | Nguyễn Thúy An          | 7A5 | 8.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 194 | Đỗ Minh Lâm             | 7A5 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 195 | Trần Ngọc Tuấn          | 7A5 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 196 | Nguyễn Anh Quốc         | 7A5 | 7.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 197 | Huỳnh Quốc Đại          | 7A6 | 8.8     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 198 | Nguyễn Ngọc Châu Anh    | 7A6 | 8.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 199 | Đỗ Lê Trung Tín         | 7A6 | 8.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 200 | Trần Thị Thảo Nguyên    | 7A6 | 8.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 201 | Nguyễn Trọng Nguyên Phú | 7A6 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 202 | Hoàng Kim Anh Thư       | 7A6 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 203 | Võ Bảo Phúc             | 7A6 | 8.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 204 | Lâm Quốc Khánh          | 7A6 | 8.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 205 | Phạm Thị Thanh Thúy     | 7A6 | 8.2     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 206 | Thạch Thị Thanh Trúc    | 7A6 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 207 | Trần Lê Hoàng Yến       | 7A6 | 7.9     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 208 | Phan Ngọc Nhã Quỳnh     | 7A6 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 209 | Trần Nguyễn Trúc Quỳnh  | 7A6 | 7.8     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 210 | Võ Thị Kim Ngân         | 7A6 | 7.8     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 211 | Khiếu Hữu Kiệt          | 7A6 | 7.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 212 | Lê Sỹ Thanh             | 7A7 | 8.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 213 | Nguyễn Trung Tín        | 7A7 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 214 | Trần Tuấn Nam           | 7A7 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 215 | Nguyễn Thị Quỳnh Anh    | 7A7 | 8.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 216 | Phạm Lê Minh Thư        | 7A7 | 8.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 217 | Hoàng Chí Phúc          | 7A7 | 8.3     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 218 | Lê Tấn Phát             | 7A7 | 8.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 219 | Trần Thị Thanh Nhân     | 7A7 | 7.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 220 | Nguyễn Hoàng Minh Đức   | 7A7 | 7.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 221 | Trương Gia Hân          | 7A7 | 7.3     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 222 | Bùi Nguyễn Đan Thy      | 7A8 | 8.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 223 | Nguyễn Thái Khang       | 7A8 | 8.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 224 | Nguyễn Thanh Thúy Hiền  | 7A8 | 8.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |

**DANH SÁCH KHEN THƯỞNG DANH HIỆU  
HỌC SINH TIÊN TIẾN TOÀN TRƯỜNG  
NĂM HỌC 2020-2021**

| STT | Họ tên                | Lớp | Điểm TB | Học lực | Hạnh<br>kiểm | Danh hiệu | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----|---------|---------|--------------|-----------|---------|
| 225 | Ôn Nghiệp Hưng        | 7A8 | 8.6     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 226 | Ngô Đình Minh Ngọc    | 7A8 | 8.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 227 | Nguyễn Ngọc Toàn      | 7A8 | 8.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 228 | Đào Đức Mạnh          | 7A8 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 229 | Nguyễn Doãn Minh Hiếu | 7A8 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 230 | Lê Nguyễn Khánh Duy   | 7A8 | 8.4     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 231 | Ngô Phạm Thanh Nghi   | 7A8 | 8.1     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 232 | Lê Khánh Vy           | 7A8 | 8.0     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 233 | Dư Trần Kim Ngân      | 7A8 | 7.9     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 234 | Phạm Dương Minh Thy   | 7A8 | 7.8     | Khá     | Khá          | HSTT      |         |
| 235 | Phạm Công Thắng       | 7A8 | 7.7     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 236 | Hoàng Ngọc Đăng Khoa  | 7A8 | 7.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |
| 237 | Phan Lê Gia Huy       | 7A8 | 7.5     | Khá     | Tốt          | HSTT      |         |

Tổng cộng danh sách có 237 HSTT./.

*Quận 12, ngày.....tháng..... năm 2021*  
**HIỆU TRƯỞNG**

Lê Thị Hiếu